TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 4 - 2019
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Thức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Lê Dung.

2. Ông Vũ Xuân Miện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Trịnh Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn S, sinh năm 1985. Địa chỉ: thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1990. Địa chỉ: phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Văn S trình bày:

Anh S và chị H tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2017 tại UBND phường T, thành phố V. Sau khi kết hôn thì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên do tính tình không hợp nhau dẫn đến gây gổ cãi vã nhau nhiều lần làm cho cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc. Vợ chồng chung sống đến khoảng tháng 8/2018 thì sống ly thân cho tới nay, thời gian ly thân vợ chồng mỗi người sống mỗi nơi không quan tâm gì đến nhau và cũng không gặp để tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh S và chị H có 1 con chung là Trần Hoàng Tâm A, sinh ngày 21/9/2017 hiện đang ở với chị H. Anh S đồng ý để chị H tiếp tục nuôi con và đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/5/2019 đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Hoàng Thị H trình bày:

Chị H thống nhất như anh S trình bày về vợ chồng chung sống và đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn nên anh S yêu cầu ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Chị H và anh S có 1 con chung như anh S trình bày. chị H yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Về nội dung, xét thấy anh S và chị H đều thống nhất ly hôn nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh S. Về con chung, chấp nhận yêu cầu của bị đơn được nuôi cháu Trần Hoàng Tâm A, sing ngày 21/9/2017, ghi nhận sự tự nguyện của anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Hoàng Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Trần Văn S và chị Hoàng Thị H tự nguyên chung sống vợ chồng với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 06/10/2017 tại UBND phường T, thành phố V nên quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị H là hợp pháp. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh S cho rằng do tính tình không hợp nhau nên sau khi kết hôn, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nhiều lần cãi vã nhau làm cho cuộc sống vợ chồng cũng không có hạnh phúc và đã ly thân từ khoảng tháng 8/2018 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Anh S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn. Theo lời khai của chị H cũng thừa nhận quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nên anh S yêu cầu ly hôn, chị đồng ý. Xét thấy, theo sự thừa nhận của anh S và chị H sau khi kết hôn đã phát

sinh mâu thuẫn và đã có quá trình sống ly thân với nhau, anh S xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và chị H cũng đồng ý ly hôn cho thấy mâu thuẫn vợ chồng là có thật và không thể chung sống với nhau nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh S đối với chị H.

[3] Về con chung: Anh S và chị H có 1 con chung là Trần Hoàng Tâm A, sing ngày 21/9/2017. Anh S đồng ý để chị H được trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ tính từ ngày 01/5/2019 đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy, sự tự nguyện của anh S phù hợp với yêu cầu của chị H nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh S và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[5] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Án phí: Anh S phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn S được ly hôn với chị Hoàng Thị H.

2. Về con chung: Chị Hoàng Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Hoàng Tâm An, sinh ngày 21/9/2017; anh Trần Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/5/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức được qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh S và chị H không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

4. Án phí: Anh Trần Văn S phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng)

anh S đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0010288 ngày 28/12/2018, anh S còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. V;
- Chi cục THADS TP. V;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HOÀNG TRÍ THỨC